TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2022/DS-PT
Ngày: 01-11-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ trụ sở: Số 89, L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, là người đại diện theo pháp luật.

Ông Đỗ Thành Tr - Chức vụ: Phó Giám đốc khối pháp chế, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 25/UQ-HĐQT ngày 07-7-2020).

Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 96 C, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thành Tr. (Văn bản ủy quyền số 04101/2021/UQ-VPB ngày 04/10/2021); có

mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn R, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Chị Võ Thị Châu P, sinh năm1984; nơi cư trú: Ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị P: Anh Lê Văn R, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị Châu P (Văn bản ủy quyền ngày 28-6-2022); có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Lê Văn R là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2021 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thành L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng T – VPBank chi nhánh Quận 11 (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có cho anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P vay tiền cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số LN1912021927496 ngày 20-12-2019 với số tiền vay 3.460.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán xây dựng và mua sắm thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay là 11%/năm, ngày giải ngân là ngày 20/12/2019. Khoản vay này anh R, chị P còn thiếu nợ gốc là 2.957.322.000 đồng, lãi quá suất quá hạn đến ngày 13-5-2022 là 489.128.517 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi của khoản vay này anh R, chị P còn nợ 3.446.450.517 đồng.

Hợp đồng vay số LD2025801796 ngày 14-9-2020 vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất là 22%/năm, ngày giải ngân 14/9/2020, số tiền này anh R, chị P còn nợ tiền gốc là 62.746.237 đồng, lãi suất quá hạn là 16.841.763 đồng. Tổng cộng gốc và lãi của khoản vay này anh R, chị P còn nợ 79.588.000 đồng.

Hợp đồng thẻ số 355-P-3968630 với hạn mức vay 100.000.000 đồng. Khoản vay này anh R, chị P còn dư nợ 126.656.132 đồng.

Tài sản thế chấp là diện tích đất 327 m^2, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22 giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AC931977, số vào sổ H01280 cấp ngày 18-11-2005.

Sau khi Ngân hàng giải ngân, anh R, chị P đóng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 26-8-2021 thì ngưng. Nay anh yêu cầu anh R, chị P trả cho Ngân hàng số tiền vay và tiền lãi quá hạn các khoản vay tính đến ngày 13-5-2022 là 3.652.694.649 đồng và tiếp tục thanh toán tiền lãi theo quy định đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn – anh Lê Văn R trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của anh Lê về quá trình vay tiền, anh thừa nhận các hợp đồng vay tiền là do anh và chị P ký tên. Anh xác định số tiền nợ gốc và lãi theo anh tính đến ngày 09-10-2021 là

3.134.876.951 đồng, anh đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền này. Anh không đồng ý theo yêu cầu của anh Lê về số tiền lãi quá hạn lý do Ngân hàng không áp dụng Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07/9/2021 để cơ cấu nợ cho anh.

Chị Võ Thị Châu P thống nhất ý kiến của anh Lê Văn R, chị xác định còn nợ Ngân hàng các khoản vay nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 09-10-2021 số tiền 3.134.876.951 đồng, đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên, chị yêu cầu Ngân hàng cơ cấu khoản nợ lại cho anh chị vì anh chị được hưởng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử:

Căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền 3.756.295.569 đồng (*ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là 3.020.068.237 (*ba tỷ không trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm ba mươi bảy*) đồng, tiền lãi là 602.670.300 (*sáu trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn ba trăm*) đồng, nợ thẻ là 133.557.032 (*một trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai*) đồng.

2. Hợp đồng thế chấp ngày 13-12-2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 327 m^2 thửa 32 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01280 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 18-11-2005 cho anh Lê Văn R. Trong trường hợp anh R, chị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ tiếp tục chịu tiền lãi và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28-7-2022, anh Lê Văn R có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Phía nguyên đơn trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn R. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 13-7-2022, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 28-7-2022, bị đơn anh Lê Văn R có đơn kháng cáo. Kháng cáo của anh R còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn R thấy rằng:

Anh Lê Văn R và chị Võ Thị Châu P thừa nhận có vay Ngân hàng T theo 03 hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số LN1912021927496 ngày 20-12-2019, số tiền vay 3.460.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán xây dựng và mua sắm, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất vay là 11%/năm, ngày giải ngân là ngày 20-12-2019. Anh R, chị P còn nợ tiền gốc là 2.957.322.000 đồng.

Hợp đồng vay số LD2025801796 ngày 14-9-2020, số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 22%/năm, ngày giải ngân 14-9-2020. Anh R chị P còn nợ tiền gốc là 62.746.237 đồng.

Hợp đồng thẻ số 355-P-3968630 với hạn mức vay 100.000.000 đồng. Anh R, chị P còn dư nợ 126.656.132 đồng.

Khi vay anh R, chị P có thế chấp tài sản là diện tích đất 327 m^2, thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 22 giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số AC931977, số vào sổ H01280 cấp ngày 18-11-2005.

Tổng cộng anh R, chị P còn nợ tiền gốc là 3.020.068.237 đồng và tiền lãi là 602.670.300 đồng, nợ thẻ số 355-P-3968630 là 133.557.032 đồng. Anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền trên. Tuy nhiên, anh R, chị P yêu cầu Ngân hàng phải cơ cấu lại khoản vay của anh chị do anh chị được hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước theo Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07-9-2021.

Xét yêu cầu của anh R, chị P thấy rằng, theo quy định tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07-9-2021 thì anh R, chị P không thuộc đối tượng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ, Ngân

hàng không đồng ý cơ cấu lại khoản nợ cho anh R, chị P. Nay anh R, chị P yêu cầu Ngân hàng cơ cấu lại khoản nợ là không có cơ sở chấp nhận. Việc anh R, chị P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thời hạn trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Nên Ngân hàng yêu cầu anh R, chị P thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của anh R về phần lãi suất: Anh R cho rằng Ngân hàng tính lãi cho anh R, chị P cao, thấy rằng Ngân hàng T là Tổ chức tín dụng nên Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất. Trong hợp đồng tín dụng số LN1912021927496 ngày 20/12/2019 và Hợp đồng LD2025801796 ngày 14/9/2020 hai bên ký kết có ghi lãi suất (BL: 56, 57, 66, 67, 68, 69, 70). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P trả nợ gốc là 3.020.068.237 đồng và tiền lãi là 602.670.300 đồng, nợ thẻ số 355-P-3968630 là 133.557.032 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ. Anh Lê Văn R kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp ngày 13-12-2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 327 m^2 thửa 32 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh (BL: 58 đến 62), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01280 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 18-11-2005 cho anh Lê Văn R. Xét thấy, hợp đồng thế chấp đã được hai bên tự nguyên ký kết đảm bảo theo quy định của pháp luật, anh R, chị P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên trong trường hợp anh R, chị P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn R. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí phúc thẩm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Văn R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Văn R.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 13-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc anh Lê Văn R, chị Võ Thị Châu P có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng T số tiền 3.756.295.569 đồng (*ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó nợ gốc là 3.020.068.237 (*ba tỷ không trăm hai mươi triệu không trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm ba mươi bảy*) đồng, tiền lãi là 602.670.300 (*sáu trăm lẻ hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn ba trăm*) đồng, nợ thẻ là 133.557.032 (*một trăm ba mươi ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn không trăm ba mươi hai*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13-7-2022) anh R, chị P phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lại lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Hợp đồng thế chấp ngày 13-12-2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 327 m^2 thửa 32 tờ bản đồ 22 tọa lạc tại ấp Thuận A, xã Truông M, huyện D, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01280 do Ủy ban nhân dân huyện D cấp ngày 18-11-2005 cho anh Lê Văn R. Trong trường hợp anh R, chị P không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Luật thi hành án dân sự để thu hồi nợ.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Văn R phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0012531 ngày 28-7-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC;
- THADS huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân